

BẢN TIN THUẾ THÁNG 06/2025

1. V/v quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Chi tiết văn bản xem [tại đây](#)

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025

Câu hỏi:

Một số nội dung lưu ý tại Nghị định số 181/2025/NĐ-CP

Căn cứ luật:**Kết luận:**

Các nội dung cần lưu ý được quy định tại Nghị định 181/2025/NĐ-CP như sau:

1. Bổ sung quy định về chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt

Tại Điều 26 Nghị định 181/2025/NĐ-CP quy định về chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt như sau:

Cơ sở kinh doanh phải có **chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt** đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào (bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu) **từ 05 triệu đồng trở lên** đã bao gồm thuế giá trị gia tăng

- Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt là chứng từ chứng minh việc thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của Nghị định 52/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt, trừ các chứng từ bên mua nộp tiền mặt vào tài khoản của bên bán.

- Một số trường hợp đặc thù theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Luật Thuế giá trị gia tăng 2024.

- Trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ của một người nộp thuế có giá trị dưới 05 triệu đồng nhưng mua nhiều lần trong cùng một ngày có tổng giá trị từ 05 triệu đồng trở lên thì chỉ được khấu trừ thuế đối với trường hợp có chứng từ

thanh toán không dùng tiền mặt

2. Thay đổi điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào

Tại Điều 26 Nghị định 181/2025/NĐ-CP quy định từ 01/7/2025, mua vào hàng hóa, dịch vụ **trên 5 triệu đồng phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt**. Trường hợp mua nhiều lần hóa đơn dưới 5 triệu trong cùng một ngày có tổng giá trị từ 05 triệu đồng trở lên thì chỉ được khấu trừ thuế đối với trường hợp có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

3. Bổ sung chi tiết đối tượng không chịu thuế GTGT (theo Điều 4 Nghị định 181/2025/NĐ-CP)

Tại Nghị định 181/2025/NĐ-CP thay thế Nghị định 209/2013/NĐ-CP điều chỉnh các quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT như sau:

Bỏ một số đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng gồm:

+ Phân bón; máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp; tàu đánh bắt xa bờ;

+ Lưu ký chứng khoán; dịch vụ tổ chức thị trường của sở giao dịch chứng khoán hoặc trung tâm giao dịch chứng khoán; hoạt động kinh doanh chứng khoán khác...

- Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác đã chế biến thành sản phẩm khác không chịu thuế GTGT phải áp dụng theo Danh mục do Chính phủ quy định.

- Bổ sung hàng hóa nhập khẩu ủng hộ, tài trợ cho phòng chống thiên tai, thảm họa dịch bệnh, chiến tranh theo quy định của Chính phủ là đối tượng không chịu thuế GTGT.

4. Khấu trừ thuế GTGT hàng hóa, dịch vụ chuyển từ không chịu thuế sang chịu thuế

Theo khoản 7 Điều 23 Nghị định 181:

Đối với hàng hóa, dịch vụ chuyển từ đối tượng không chịu thuế GTGT sang đối tượng chịu thuế GTGT theo quy định tại Luật Thuế GTGT, cơ sở kinh doanh chỉ được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT phát sinh từ ngày 01/7/2025.

5. Bổ sung quy định giá tính thuế đối với từng trường hợp cụ thể

- Điều 5 Nghị định 181/2025/NĐ-CP Giá tính thuế đối với hàng hóa, dịch vụ bán ra và hàng hóa nhập khẩu

- Điều 6 Nghị định 181/2025/NĐ-CP Giá tính thuế đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho và hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại

- Điều 7 Nghị định 181/2025/NĐ-CP Giá tính thuế đối với hoạt động cho thuê tài sản, gia công hàng hóa và hoạt động xây dựng, lắp đặt

- Điều 8 Nghị định 181/2025/NĐ-CP Giá tính thuế đối với hoạt động kinh doanh bất động sản

- Điều 9 Nghị định 181/2025/NĐ-CP Giá tính thuế đối với hoạt động đại lý, môi giới mua bán hàng hóa, dịch vụ hưởng hoa hồng và hàng hóa, dịch vụ được sử dụng hóa đơn thanh toán ghi giá thanh toán

- Điều 10 Nghị định 181/2025/NĐ-CP Giá tính thuế đối với dịch vụ kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng và dịch vụ kinh doanh đặt cược

- Điều 11 Nghị định 181/2025/NĐ-CP Giá tính thuế đối với một số hoạt động sản xuất, kinh doanh khác

- Điều 12 Nghị định 181/2025/NĐ-CP Giá tính thuế đối với dịch vụ viễn thông quốc tế

- Điều 13 Nghị định 181/2025/NĐ-CP Giá tính thuế đối với dịch vụ do tổ chức nước ngoài, cá nhân ở nước ngoài cung cấp

6. Quy định chi tiết về từng mức thuế suất và điều kiện áp dụng thuế suất

- Mức thuế suất 0% tại Điều 17 Nghị định 181/2025/NĐ-CP

- Điều kiện áp dụng thuế suất 0% tại Điều 18 Nghị định 181/2025/NĐ-CP

- Mức thuế suất 5% tại Điều 19 Nghị định 181/2025/NĐ-CP

7. Bổ sung chi tiết đối với từng trường hợp hoàn thuế GTGT

Điều 29 Nghị định 181/2025/NĐ-CP Hoàn thuế đối với xuất khẩu

Điều 30 Nghị định 181/2025/NĐ-CP Hoàn thuế đối với đầu tư

Điều 31 Nghị định 181/2025/NĐ-CP Hoàn thuế đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5%

Điều 32 Nghị định 181/2025/NĐ-CP Hoàn thuế đối với cơ sở kinh doanh khi giải thể, phá sản

Điều 33 Nghị định 181/2025/NĐ-CP Hoàn thuế đối với hàng hóa mua tại Việt Nam mang theo khi xuất cảnh

Điều 34 Nghị định 181/2025/NĐ-CP Hoàn thuế đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) không hoàn lại hoặc viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo

Điều 35 Nghị định 181/2025/NĐ-CP Hoàn thuế đối với hàng hóa, dịch vụ mua tại Việt Nam của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao

Điều 36 Nghị định 181/2025/NĐ-CP Hoàn thuế theo điều ước quốc tế.

8. Hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu sang nước khác không được hoàn thuế

Tại Điều 29 Nghị định 181/2025/NĐ-CP quy định, cụ thể:

Cơ sở kinh doanh trong tháng, quý có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT theo tháng, quý, trừ trường hợp hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu sang nước khác, trong đó:

Hàng hoá nhập khẩu sau đó xuất khẩu sang nước khác là hàng hóa do cơ sở kinh doanh nhập khẩu sau đó trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác xuất khẩu, không bao gồm hàng hóa là nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu.

9. Quy định chi tiết thời điểm xác định thuế GTGT

(*) Dịch vụ viễn thông

Căn cứ Khoản 1 Điều 16 Nghị định 181/2025/NĐ-CP chia thành 03 trường hợp xác định thuế GTGT đối với dịch vụ viễn thông:

(1) Đối với dịch vụ viễn thông phải đối soát dữ liệu kết nối giữa các cơ sở kinh doanh dịch vụ: Thời điểm hoàn thành đối soát dữ liệu về cước dịch vụ theo hợp đồng kinh tế giữa các cơ sở kinh doanh dịch vụ nhưng chậm nhất không quá 02 tháng kể từ tháng phát sinh cước dịch vụ kết nối.

(2) Đối với dịch vụ viễn thông cung cấp theo kỳ nhất định: Thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu giữa các bên (trừ trường hợp 1) nhưng chậm nhất không quá ngày 07 của tháng sau tháng phát sinh việc cung cấp dịch vụ hoặc không quá 07 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ quy ước. Kỳ quy ước để làm căn cứ tính lượng dịch vụ cung cấp căn cứ thỏa thuận giữa đơn vị cung cấp dịch vụ với người mua.

(3) Đối với dịch vụ bán thẻ trả trước, thu cước phí hòa mạng: Thời điểm bán thẻ trả trước, thu cước phí hòa mạng.

Trước đây Nghị định 209/2013/NĐ-CP quy định, đối với dịch vụ viễn thông là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu về cước dịch vụ kết nối viễn thông theo hợp đồng kinh tế giữa các cơ sở kinh doanh dịch vụ viễn thông nhưng chậm nhất không quá 2 tháng kể từ tháng phát sinh cước dịch vụ kết nối viễn thông.

(*) Cung cấp điện, nước sạch

Trước đây theo Nghị định 209/2013/NĐ-CP, thời điểm xác định thuế GTGT đối với hoạt động cung cấp điện, nước sạch là ngày ghi chỉ số điện, nước tiêu thụ trên đồng hồ để ghi trên hóa đơn tính tiền.

Theo quy định mới tại Nghị định 181, thời điểm xác định thuế GTGT đối với hoạt động cung cấp điện, nước sạch được hướng dẫn chi tiết hơn như sau:

Cung cấp điện tại Khoản 2 Điều 16 Nghị định 181/2025/NĐ-CP quy định:

- Đối với hoạt động bán điện của các công ty phát điện trên thị trường điện: Thời điểm để đối soát số liệu thanh toán giữa đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện, đơn vị phát điện và đơn vị mua điện theo quy định của Bộ Công Thương hoặc hợp đồng mua bán điện đã được Bộ Công Thương hướng dẫn, phê duyệt nhưng chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn kê khai, nộp thuế đối với tháng phát sinh nghĩa vụ thuế.

Riêng hoạt động bán điện của các công ty phát điện có cam kết bảo lãnh của Chính phủ về thời điểm thanh toán sẽ căn cứ theo bảo lãnh của Chính phủ, hướng dẫn và phê duyệt của Bộ Công Thương và các hợp đồng mua bán điện đã được ký kết giữa bên mua điện và bên bán điện.

- Đối với hoạt động bán điện (trừ trường hợp nêu tại điểm a khoản này): Thời điểm hoàn thành đối soát dữ liệu giữa các bên nhưng chậm nhất không quá ngày 07 của tháng sau tháng phát sinh việc cung cấp điện hoặc không quá 07 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ quy ước.

Kỳ quy ước để làm căn cứ tính lượng điện cung cấp căn cứ thỏa thuận giữa đơn vị cung cấp điện với người mua.

Cung cấp nước sạch căn cứ khoản 3 Điều 16 Nghị định 181/2025/NĐ-CP:

Đối với hoạt động cung cấp nước sạch: Thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu giữa các bên nhưng chậm nhất không quá ngày 07 của tháng sau tháng phát sinh việc cung cấp nước hoặc không quá 07 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ quy ước.

Kỳ quy ước để làm căn cứ tính lượng nước cung cấp căn cứ thỏa thuận giữa đơn vị cung cấp nước với người mua.

(*) Kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, chuyển nhượng hoặc cho thuê

Trước đây theo Nghị định 209/2013/NĐ-CP, thời điểm xác định thuế GTGT với các hoạt động trên là thời điểm thu tiền theo tiến độ thực hiện dự án hoặc tiến độ thu tiền ghi trong hợp đồng. Căn cứ số tiền thu được, cơ sở kinh doanh thực hiện khai thuế GTGT đầu ra phát sinh trong kỳ.

Theo quy định mới tại khoản 5 Điều 16 Nghị định 181/2025/NĐ-CP, thời điểm xác định thuế GTGT như sau:

- Trường hợp đã chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng: Thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử

dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

- Trường hợp chưa chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng mà có thực hiện thu tiền theo tiến độ thực hiện dự án hoặc tiến độ thu tiền ghi trong hợp đồng: Ngày thu tiền hoặc theo thỏa thuận thanh toán trong hợp đồng.

2. V/v luật thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Chi tiết văn bản xem [tại đây](#)

Quốc hội đã ban hành Luật số 67/2025/QH15 ngày 14/06/2025

Câu hỏi:

Một số nội dung lưu ý tại Luật số 67/2025/QH15

Căn cứ luật:

Kết luận:

Các nội dung cần lưu ý được quy định tại Luật số 67/2025/QH15 như sau:

1. Nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số nộp thuế TNDN: Căn cứ điểm e khoản 3 Điều 2 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025: Theo đó, nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số mà thông qua đó doanh nghiệp nước ngoài tiến hành cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam

2. Bổ sung đối tượng miễn thuế: Căn cứ Điều 4 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025:

Bổ sung thêm một số loại thu nhập sẽ được miễn thuế, bao gồm:

+ Thu nhập từ chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải, chuyển nhượng tín chỉ các-bon lần đầu sau khi phát hành của doanh nghiệp được cấp chứng chỉ giảm phát thải, tín chỉ các-bon; thu nhập từ tiền lãi trái phiếu xanh;

+ Thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu xanh lần đầu sau khi phát hành.

3. Ưu đãi thuế cho doanh nghiệp vừa và nhỏ với mức thuế suất 15% hoặc 17%: Căn cứ Điều 10 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025:

Thuế suất thuế TNDN là 20%, mức thuế suất 15% áp dụng cho doanh nghiệp có doanh thu không quá 03 tỷ đồng, 17% cho doanh nghiệp có doanh thu từ trên 03 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng.

Tuy nhiên, quy định này không áp dụng đối với doanh nghiệp là công ty con hoặc công ty có quan hệ liên kết mà doanh nghiệp trong quan hệ liên kết không phải là doanh nghiệp đáp ứng điều kiện áp dụng thuế suất ưu đãi. (căn cứ khoản 4 Điều 18 Luật Thuế thu nhập doanh

nghiệp 2025).

4. Bổ sung lĩnh vực hưởng ưu đãi thuế TNDN: Căn cứ Điều 12 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 đã điều chỉnh danh mục ngành, nghề được hưởng ưu đãi thuế TNDN với nhiều điểm mới đáng chú ý.

Một số lĩnh vực nổi bật được đưa vào diện hưởng ưu đãi thuế TNDN bao gồm:

- Doanh nghiệp công nghệ cao và doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Luật Công nghệ cao 2008; doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo Luật Khoa học, công nghệ 2013 và đổi mới sáng tạo.
- Đầu tư kinh doanh cơ sở hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, bao gồm: Cơ sở kỹ thuật hỗ trợ, Cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa; đầu tư kinh doanh khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 2017.
- Hoạt động báo chí, bao gồm quảng cáo trên báo, theo quy định của Luật Báo chí 2016.

5. Sửa đổi quy định về miễn thuế, giảm thuế: Căn cứ Điều 14 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 quy định về chính sách miễn, giảm thuế TNDN quy định như sau:

- Miễn thuế tối đa 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 09 năm tiếp theo đối với:
 - + Thu nhập của doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 13 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025;
 - + Thu nhập của doanh nghiệp quy định tại điểm r khoản 2 Điều 12 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 thuộc địa bàn quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 12 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025; trường hợp không thuộc địa bàn quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 12 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 được miễn thuế tối đa 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 05 năm tiếp theo.
- Miễn thuế tối đa 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 04 năm tiếp theo đối với thu nhập của doanh nghiệp quy định tại khoản 4 Điều 13 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025.
- Đối với các dự án đầu tư mới quy định tại điểm h khoản 2 Điều 12 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025, Thủ tướng Chính phủ quyết định kéo dài thời gian miễn thuế, giảm thuế tối đa không quá 1,5 lần thời gian miễn thuế, giảm thuế quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025.
- Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư, trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong 03 năm đầu, kể từ năm đầu

tiên có doanh thu từ dự án thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ 04

6. Hiệu lực thi hành: Căn cứ Điều 19 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 luật có hiệu lực từ ngày 01/10/2025 và áp dụng từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025

- Trường hợp doanh nghiệp lựa chọn năm tài chính khác với năm dương lịch thì thông báo với cơ quan thuế quản lý trực tiếp trước khi thực hiện.

- Kỳ tính thuế đối với doanh nghiệp quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều 2 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

3. V/v quy định chính sách giảm thuế Giá trị gia tăng (GTGT) theo Nghị quyết 204/2025/QH15 ngày 17/06/2025 của Quốc Hội

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025

Câu hỏi:

Một số nội dung lưu ý tại Nghị định số 174/2025/NĐ-CP

Căn cứ luật:

Kết luận:

Các nội dung cần lưu ý được quy định tại Nghị định 174/2025/NĐ-CP như sau:

1. Mở rộng phạm vi được giảm thuế GTGT

So với quy định tại Nghị định 180/2024/NĐ-CP, danh mục không được giảm thuế GTGT mới tại Phụ lục I, II Nghị định 174/2025/NĐ-CP đã được lược bỏ nhiều mặt hàng như **than, sản phẩm dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hóa chất, các kim loại đúc sẵn, xăng, một số sản phẩm điều hòa.**

Nhóm hàng hóa dịch vụ công nghệ thông tin theo pháp luật về công nghệ thông tin không được giảm thuế GTGT tại phụ lục III Nghị định 180 cũng được bãi bỏ.

Theo đó, các mặt hàng sau đây từng thuộc danh mục không được giảm thuế trước 01/7/2025 theo Nghị định 180/2024, từ ngày 01/7/2025 đến hết 31/12/2026 được giảm thuế GTGT theo Nghị định 174/2025:

- Mặt hàng than tại tất cả các khâu

- Sản phẩm dầu mỏ tinh chế:

+ Nhiên liệu dầu và xăng; dầu mỡ bôi trơn (mã HS: 27.07; 27.09; 27.10; 27.12; 34.03)

Chi tiết văn bản xem [tại đây](#)

+ Khí dầu mỏ và các loại khí Hydro cacbon khác (trừ khí thiên nhiên) (mã HS: 2711.12.00; 2711.13.00; 2711.14; 2711.19.00; 2711.29.00)

+ Các sản phẩm từ dầu mỏ khác (2712.10.00; 2712.20.00; 2712.90; 2713.11.00; 2713.12.00; 2713.20.00; 2713.90.00)

- Sản phẩm hóa chất (mã HS: 28; 29; 30; 31; 32; 33; 34; 35; 36; 37; 38)

- Sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị):

+ Cấu kiện kim loại;

+ Thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;

+ Nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm);

+ Vũ khí và đạn dược;

+ Kim loại bột;

+ Dao, kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng;

+ Sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu

- Xăng.

- Nhóm hàng hóa dịch vụ công nghệ thông tin theo pháp luật về công nghệ thông tin.

Riêng các sản phẩm điều hoà nhiệt độ sau đây thì được giảm thuế từ 01/01/2026 đến hết 31/12/2026:

- Điều hoà nhiệt độ công suất từ 24.000 BTU trở xuống, điều hòa loại theo thiết kế của nhà sản xuất chỉ để lắp trên phương tiện vận tải bao gồm ô tô, toa xe lửa, máy bay, trực thăng, tàu, thuyền.

- Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất bán hoặc tổ chức, cá nhân nhập khẩu nhập tách riêng từng bộ phận là cục nóng hoặc cục lạnh thì hàng hóa bán ra hoặc nhập khẩu (cục nóng, cục lạnh) vẫn thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt như đối với sản phẩm hoàn chỉnh (máy điều hoà nhiệt độ hoàn chỉnh).

2. Mẫu kê hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế GTGT mới

Nghị định 174 ban hành mẫu bảng kê hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế GTGT theo mẫu 01 Phụ lục III của Nghị định

4. V/v hướng dẫn thực hiện một số điều của luật quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019, nghị định số 123/2020/nđ-cp ngày 19 tháng 10 năm

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 32/2025/TT-BTC ngày 31/05/2025

Câu hỏi:

2020 của chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ, nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 123/2020/NĐ-CP

Chi tiết văn bản xem [tại đây](#)

Một số nội dung lưu ý tại Thông tư số 32/2025/TT-BTC

Căn cứ luật:

Kết luận:

Các nội dung cần lưu ý được quy định tại Thông tư số 32/2025/TT-BTC như sau:

1. Tổ chức khấu trừ thuế thu nhập cá nhân phải ngừng sử dụng chứng từ khấu trừ thuế điện tử theo quy định cũ và chuyển sang sử dụng theo quy định tại Nghị định 70/2020/NĐ-CP. Nếu sau thời điểm này phát hiện sai sót trong chứng từ đã lập trước đó thì phải lập chứng từ khấu trừ thuế điện tử mới để thay thế (theo Khoản 2 Điều 12 Thông tư 32/2025/TT-BTC)

2. Doanh nghiệp có hoạt động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng (trung tâm thương mại; siêu thị; bán lẻ (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); ăn uống; nhà hàng; khách sạn; dịch vụ vận tải hành khách, dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, dịch vụ nghệ thuật, vui chơi, giải trí, hoạt động chiếu phim, dịch vụ phục vụ cá nhân khác theo quy định về Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam) đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã, hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế phục vụ hoạt động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng nêu trên trước ngày 01/6/2025 thì được lựa chọn hoặc chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền hoặc tiếp tục sử dụng hóa đơn điện tử đã đăng ký sử dụng với cơ quan thuế (theo khoản 5 Điều 12 Thông tư 32/2025/TT-BTC)

3. Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức, hộ, cá nhân kinh doanh đã sử dụng hóa đơn điện tử theo Nghị định 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 70/2025/NĐ-CP) và Thông tư 32/2025/TT-BTC, nếu phát hiện hóa đơn lập sai theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP hoặc Nghị định 04/2014/NĐ-CP thì phải lập văn bản thỏa thuận ghi rõ nội dung sai và lập hóa đơn điện tử mới thay thế.

Hóa đơn thay thế phải ghi rõ “Thay thế cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... số... ngày... tháng... năm...” và được gửi cho người mua hoặc cơ quan thuế tùy theo loại hóa đơn sử dụng (theo khoản 8 Điều 12 Thông tư 32/2025/TT-BTC)..

5. V/v quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng và hướng dẫn thực hiện Nghị định 181/2025/NĐ-CP

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 69/2025/TT-BTC ngày 01/07/2025

Câu hỏi:

Một số nội dung lưu ý tại Thông tư số 69/2025/TT-BTC

Chi tiết văn bản xem [tại đây](#)

Căn cứ luật:

Kết luận:

Các nội dung cần lưu ý được quy định tại Thông tư số 69/2025/TT-BTC như sau:

- Hồ sơ, thủ tục xác định đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng quy định tại Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng**
- Cách xác định số thuế giá trị gia tăng được hoàn đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu** đối với trường hợp cơ sở kinh doanh trong tháng, quý vừa có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, vừa có hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội địa được nêu tại Phụ lục II của Thông tư
- Cách xác định số thuế giá trị gia tăng được hoàn đối với hoạt động sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5%** được nêu tại Phụ lục III của Thông tư
- Cơ sở kinh doanh nhiều loại hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng áp dụng theo các mức tỷ lệ % khác nhau** phải khai thuế giá trị gia tăng theo từng mức tỷ lệ % quy định đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ; trường hợp cơ sở kinh doanh không xác định doanh thu tính thuế giá trị gia tăng theo từng mức tỷ lệ % tương ứng thì phải áp dụng theo mức tỷ lệ % cao nhất của hàng hóa, dịch vụ mà cơ sở sản xuất, kinh doanh trên toàn bộ doanh thu tính thuế của kỳ tính thuế đó

6. V/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp 2020 số 59/2020/QH14

Quốc hội đã ban hành Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025

Câu hỏi:

Một số nội dung lưu ý tại Luật số 76/2025/QH15

Căn cứ luật:

Kết luận:

Các nội dung cần lưu ý được quy định tại Luật số 76/2025/QH15 như sau:

1. Bổ sung định nghĩa về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp tại Khoản 1 Điều 1

Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp có tư cách pháp nhân (sau đây gọi là chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp)

Chi tiết văn bản xem [tại đây](#)

nghiệp) là cá nhân có quyền sở hữu trên thực tế vốn điều lệ hoặc có quyền chi phối đối với doanh nghiệp đó, trừ trường hợp người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Bổ sung quy định Nghĩa vụ của doanh nghiệp tại khoản 2 Điều 1:

Thu thập, cập nhật, lưu giữ thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp; cung cấp thông tin cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp khi được yêu cầu.

Lưu ý:

Các thông tin được trình bày trong tài liệu này đều là thông tin chung và không nhằm mục đích cung cấp, hướng dẫn hoặc tư vấn cho bất kỳ một trường hợp cụ thể nào là tổ chức hay cá nhân. TKT tuy đã cố gắng những thông tin này còn chính xác và phù hợp lúc người đọc nhận được bản tin hoặc sẽ duy trì tính chính xác này trong tương lai. Bất cứ Quý Khách nào cũng không nên đưa quyết định dựa trên những thông tin trong tài liệu này nếu không có sự tư vấn phù hợp từ các chuyên gia sau khi xem xét từng tình huống cụ thể.